TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2021.
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Hưng;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngẫu.
Ông Nguyễn Văn Ba.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Bích Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 654/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Mai Thị Bích T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 414, Ấp 3, xã TA, huyện LT tỉnh Đồng Nai.

-Bị đơn: Anh Lưu Văn G, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 23B, Tổ 9, Hẻm 23, Hoàng Minh Châu, khu KS, thị trấn LT, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện nộp ngày 26 tháng 9 năm 2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Mai Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Lưu Văn G chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn LT, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn do anh G có nhiều thối hư tật xấu như bài bạc, có quan hệ tình cảm với người khác. Năm 2018, chị phát hiện anh G có quan hệ tình cảm với người khác nên chị đã về nhà ba mẹ ruột ở xã TA sinh sống và ly thân với anh G khoảng 06 tháng nhưng do anh G năn nỉ và do chị vì con mà tha thứ cho anh G để vợ chồng tiếp tục chung sống. Từ đó, chị và anh G chung sống tại nhà ba mẹ ruột của chị ở Ấp 3, xã TA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, từ năm 2018 đến năm 2020, khoảng 02 năm tiếp tục chung sống, chị thấy anh G vẫn không thay đổn nên vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên chị không thể tiếp tục chung sống với anh G được nữa.

Nay chị xác định vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù đã cố gắng để tiếp tục chung sống nhưng không được nên chị yêu cầu được ly hôn với Anh Lưu Văn G.

Về con chung : Chị và Anh Lưu Văn G có 02 con chung tên Lưu Nhật H, sinh ngày 18/11/2006 và, sinh ngày 29/8/2013. Hiện nay cháu Hào và cháu Châu đang sinh sống cùng chị nên ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Tạm thời chị không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập anh G nhiều lần nhưng anh G vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn được đảm bảo quyền lợi và chấp hành pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh G. Về con chung: Giao cháLưu Nhật H, sinh ngày 18/11/2006 và cháu Lưu Ngọc Minh Ch cho chị T nuôi dưỡng; tạm thời anh G không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Anh Lưu Văn G đã được Tòa án giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; do đó, Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa chị T và anh G xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Quá trình giải quyết Tòa án anh G không đến Tòa để hòa giải đoàn tụ chứng tỏ anh G không quan tâm đến vợ con, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 2 Điều 59 luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị T và anh G có 02 (hai) con chung tên TALưu Nhật H và Lưu Ngọc Minh Ch, sinh ngày 29/8/2013. Hiện nay chị T đang nuôi dưỡng cháu Hào và cháu Châu nên chị T yêu cầu nuôi cháu Hào và cháu Châu là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Mai Thị Bích T đối với Anh Lưu Văn G về việc ‘‘Tranh chấp ly hôn’’.

Xử cho Chị Mai Thị Bích T được ly hôn với Anh Lưu Văn G.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Nhật H và cháu Lưu Ngọc Minh Ch, sinh

ngày 29/8/2013 cho chị T được quyền nuôi dưỡng, tạm thời Anh Lưu Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh G có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh G thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh G lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của anh G. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mai Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số T tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004641 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành (Chị T đã nộp xong).

5. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND TT.Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, BP, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA

Dương Tấn Hưng